



màn chē

慢车

noun · local bus or train

Example Sentences

wǒ zuò màn chē qù xué xiào

我坐慢车去学校。

I take the local bus to school.

màn chē měi zhàn dōu tíng

慢车每站都停。

The local train stops at every station.

suī rán màn chē shí jiān cháng

虽然慢车时间长，

dàn piào jià pián yi

但票价便宜。

Although the local train takes a long time, the ticket price is cheap.

Trace each character, then write the word on your own.

慢	慢	慢	慢	慢	慢	慢	慢	慢	慢	慢
慢	慢	慢	慢	慢	慢					
车	车	车	车	车	车	车				